

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)****PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.**

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn 1 phương án cho là đúng và điền vào bảng sau:

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Đáp án |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |

**Câu 1:** Phần mềm bảng tính phổ biến nhất hiện nay là gì?

- A. Microsoft Word B. Microsoft Excel  
C. Microsoft PowerPoint D. Microsoft Access

**Câu 2:** Để tính tổng các giá trị trong một cột, hàm nào thường được sử dụng?

- A. AVERAGE B. MAX C. SUM D. MIN

**Câu 3:** Chức năng nào cho phép tự động điền các chuỗi dữ liệu (ví dụ: ngày, tháng) trong Excel?

- A. Định dạng ô B. Autofill C. Sắp xếp dữ liệu D. Lọc dữ liệu

**Câu 4:** Định dạng nào cho phép hiển thị số tiền với dấu phân cách hàng nghìn và đơn vị tiền tệ?

- A. Định dạng số B. Định dạng văn bản  
C. Định dạng ngày tháng D. Định dạng tiền tệ

**Câu 5:** Trong PowerPoint, đối tượng nào được sử dụng để trình bày thông tin dạng văn bản, hình ảnh, video?

- A. Trang tính B. Trang chiếu C. Bảng D. Biểu đồ

**Câu 6:** Thao tác nào cho phép thay đổi màu sắc, kiểu chữ, kích thước chữ của văn bản trong PowerPoint?

- A. Định dạng trang chiếu B. Định dạng đối tượng  
C. Chèn đối tượng D. Nhóm đối tượng

**Câu 7:** Để chèn hình ảnh vào trang chiếu PowerPoint, bạn chọn lệnh nào?

- A. Insert -> Pictures B. Design -> Background  
C. Transitions -> Effects D. Animations -> Animation Pane

**Câu 8:** Công cụ nào trong Excel cho phép lọc dữ liệu theo các tiêu chí cụ thể?

- A. Sắp xếp B. Lọc C. Định dạng có điều kiện D. Biểu đồ

**Câu 9:** Thuật toán sắp xếp chọn (Selection Sort) hoạt động bằng cách nào?

- A. So sánh từng cặp phần tử liên tiếp và hoán đổi chúng.  
B. Tìm phần tử nhỏ nhất trong dãy và đưa về đầu dãy.  
C. Lần lượt chèn từng phần tử vào đúng vị trí trong dãy đã sắp xếp.  
D. Chia dãy thành các dãy con và sắp xếp từng dãy con.

**Câu hỏi 10:** Khi nào nên sử dụng định dạng có điều kiện trong Excel?

- A. Khi muốn in bảng tính.  
B. Khi muốn làm nổi bật các giá trị thỏa mãn điều kiện nhất định.  
C. Khi muốn sắp xếp dữ liệu.

D. Khi muốn tạo biểu đồ.

**Câu hỏi 11:** Tại sao việc sử dụng các hiệu ứng chuyển động và hoạt hình trong PowerPoint lại quan trọng?

A. Vì chúng làm cho bài trình chiếu có nhiều màu sắc hơn.

B. Vì chúng giúp thu hút sự chú ý của người xem và làm cho bài trình chiếu sinh động hơn.

C. Vì chúng giúp giảm kích thước tệp của bài trình chiếu.

D. Vì chúng giúp chèn thêm nhiều văn bản vào trang chiếu.

**Câu hỏi 12:** Lợi ích của việc nhóm các đối tượng trên trang chiếu PowerPoint là gì?

A. Giúp thay đổi kích thước đối tượng dễ dàng hơn.

B. Giúp di chuyển và định dạng các đối tượng cùng lúc.

C. Giúp tạo hiệu ứng hoạt hình cho các đối tượng.

D. Giúp chèn thêm nhiều đối tượng vào trang chiếu.

## PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI (4,0 điểm)

Học sinh trả lời câu 13, 14, 15, 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai và điền thông tin vào bảng dưới đây

| Câu    | 13a | 13b | 13c | 13d | 14a | 14b | 14c | 14d | 15a | 15b | 15c | 15d | 16a | 16b | 16c | 16d |
|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Đáp án |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |

**Câu 13:** Lan bị ốm và nghỉ học buổi ôn tập cuối năm môn Tin. Sau khi đi học Lan trao đổi với bạn Lan và đưa ra một số nhận định sau, hãy giúp Lan xem bạn ấy nhận định đúng hay sai:

a. Trong Excel, hàm SUM được sử dụng để tính trung bình cộng của một dãy số.

b. PowerPoint cho phép chèn video vào trang chiếu.

c. Việc sử dụng định dạng có điều kiện trong Excel giúp người dùng dễ dàng phân tích dữ liệu bằng cách làm nổi bật các giá trị quan trọng.

d. Áp dụng hiệu ứng hoạt hình cho các đối tượng trong PowerPoint giúp giảm kích thước tệp trình chiếu.

**Câu 14:**

a. Autofill trong Excel chỉ có thể tự động điền các chuỗi số.

b. Định dạng tiền tệ trong Excel chỉ hiển thị số tiền mà không có dấu phân cách hàng nghìn.

c. Nhóm các đối tượng trên trang chiếu PowerPoint giúp di chuyển và định dạng chúng cùng lúc, tiết kiệm thời gian.

d. Trong Excel, việc dùng hàm để tính toán sẽ làm chậm quá trình xử lý dữ liệu so với việc nhập công thức thủ công.

**Câu 15:** Hùng đang ôn tập đề cương môn Tin 7 và gặp khó khăn với một số câu hỏi sau. Em hãy giúp Hùng xem những phát biểu sau đúng hay sai?

a. Microsoft Excel là phần mềm soạn thảo văn bản.

b. Trang chiếu trong PowerPoint là nơi để trình bày thông tin dạng văn bản, hình ảnh, video.

c. Việc sử dụng bộ lọc trong Excel giúp loại bỏ hoàn toàn các dữ liệu không thỏa mãn tiêu chí.

d. Sử dụng thành thạo các công cụ định dạng trong PowerPoint giúp tạo ra các bài trình chiếu chuyên nghiệp, thu hút người xem.

**Câu 16:** Sau buổi ôn tập trên lớp, Vân có nói chuyện với bạn và đưa ra những phát biểu sau. Theo em Vân đúng hay sai?

- Hàm MAX trong Excel dùng để tìm giá trị nhỏ nhất trong một dãy số.
- Có thể thay đổi màu sắc và kích thước chữ của văn bản trong PowerPoint.
- Việc hiểu rõ các hàm trong Excel giúp người dùng tự động hóa các tính toán phức tạp.
- Việc chỉ sử dụng hiệu ứng chuyển động và hoạt hình đơn giản trong PowerPoint sẽ làm cho bài thuyết trình trở nên nhàm chán.

## II. PHẦN TỰ LUẬN

**Câu 17 (3 điểm):** Thực hành trên phần mềm trình chiếu

- Tạo một bài trình chiếu với ít nhất 2 trang chiếu:
  - Trang chiếu 1: Chứa tiêu đề "BÀI TRÌNH CHIẾU CUỐI KỲ" với cỡ chữ 50, đậm, in hoa.
  - Trang chiếu 2: Chèn một hình ảnh bất kỳ và thêm mô tả dưới hình ảnh.
- Sử dụng font chữ "Times New Roman" và lưu bài trình chiếu với tên **Họ tên\_Lớp.pptx** vào thư mục "KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II" trên ổ D:.

Lưu tệp vào ổ đĩa D:\ thư mục KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I với tên Họ tên\_Lớp.pptx (Ví dụ: Nguyễn Song Hải\_7A1.pptx)

Ban giám hiệu trường THCS Thị trấn tổ chức gặp mặt, động viên đội tuyển HSG



## BÀI TRÌNH CHIẾU CUỐI KỲ

VD: Trang chiếu 1

VD: Trang chiếu 2

.....*Hết*.....

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)****1. Dạng nhiều lựa chọn (3 điểm, mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm)**

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Đáp án | B | C | B | D | B | B | A | B | B | B  | B  | B  |

**2. Dạng đúng/ sai (4 điểm, mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm)**

| Câu    | 13 | 13 | 13 | 13 | 14 | 14 | 14 | 14 | 15 | 15 | 15 | 15 | 16 | 16 | 16 | 16 |
|--------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Đáp án | S  | Đ  | Đ  | S  | S  | S  | Đ  | S  | S  | Đ  | S  | S  | Đ  | S  | Đ  | S  |

**II. Phần tự luận. (3 điểm)**

| Câu | Đáp án                                                                                                         | Biểu điểm |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 17  | a) Học sinh tạo được trang chiếu như mẫu, đúng các yêu cầu                                                     | 1 điểm    |
|     | b) Chữ tiêu đề kiểu chữ đậm, cỡ chữ 50, chữ in hoa                                                             | 0.5 điểm  |
|     | - Nội dung bên dưới cỡ chữ 28, chữ màu đen, sử dụng cấu trúc phân cấp, chèn hình ảnh như mẫu (chèn ảnh tùy ý). | 0.5 điểm  |
|     | c) Tất cả đều sử dụng font chữ “Time New Romans”                                                               | 0.5 điểm  |
|     | - Lưu được tên đúng yêu cầu                                                                                    | 0.5 điểm  |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II-ĐỀ 2****NĂM HỌC 2024 - 2025****MÔN: Tin học 7***Thời gian làm bài : 45 Phút (không kể giao đề)***I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)****PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.**

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn 1 phương án cho là đúng và điền vào bảng sau:

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Đáp án |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |    |    |

**Câu 1:** Để tính tổng tất cả các số trong một cột trong Excel, bạn sử dụng hàm nào?

A. AVERAGE      B. MAX      C. SUM      D. MIN

**Câu 2:** Trong Excel, nếu bạn muốn dữ liệu trong một ô không bị xuống dòng tự động, bạn cần sử dụng tính năng nào?

A. Merge & Center      B. Wrap Text      C. AutoFit      D. Text to Columns

**Câu 3:** Khi sao chép một công thức trong Excel, loại địa chỉ ô nào sẽ giữ nguyên khi bạn dán công thức vào vị trí mới?

A. Địa chỉ tương đối

B. Địa chỉ động

C. Địa chỉ hỗn hợp

D. Địa chỉ tuyệt đối

**Câu 4:** Để thêm một hàng mới trong Excel mà không thay đổi dữ liệu có sẵn, bạn cần làm gì?

A. Nhấn Ctrl + N

B. Nhấn Ctrl + T

C. Nhấn Ctrl + Shift + "+"

D. Nhấn Alt + Enter

**Câu 5:** Trong PowerPoint, để trình chiếu từ slide hiện tại, bạn sử dụng phím tắt nào?

A. F5

B. Shift + F5

C. Ctrl + F5

D. Alt + F5

**Câu 6:** Để tạo hiệu ứng giúp văn bản hoặc hình ảnh xuất hiện dần dần trên slide trong PowerPoint, bạn sử dụng công cụ nào?

A. Animation

B. Transition

C. Design

D. Slide Master

**Câu 7:** Khi muốn lưu bài thuyết trình PowerPoint dưới dạng tệp không thể chỉnh sửa, bạn chọn định dạng nào?

A. .pptx

B. .pdf

C. .ppsx

D. .ppt

**Câu 8:** Để thay đổi thiết kế nền cho tất cả các trang chiếu trong PowerPoint, bạn sử dụng công cụ nào?

A. Slide Master

B. Background Fill

C. Design Layout

D. Format Painter

**Câu 9:** Thuật toán nào sau đây có hiệu suất tốt nhất trong việc sắp xếp dữ liệu lớn?

A. Bubble Sort

B. Selection Sort

C. Quick Sort

D. Insertion Sort

**Câu 10:** Khi nào bạn nên sử dụng định dạng có điều kiện (Conditional Formatting) trong Excel?

A. Khi bạn muốn sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần

B. Khi bạn muốn làm nổi bật các giá trị thỏa mãn điều kiện cụ thể

C. Khi bạn muốn in bảng tính

D. Khi bạn muốn tạo biểu đồ

**Câu 11:** Công cụ nào trong Excel cho phép bạn lọc và hiển thị chỉ các dữ liệu thỏa mãn các tiêu chí đã chọn?

A. Sort

B. Filter

C. Conditional Formatting

D. Pivot Table

**Câu 12:** Để đảm bảo bài trình chiếu trong PowerPoint có thiết kế đồng nhất và chuyên nghiệp, bạn cần làm gì?

A. Sử dụng Slide Master để tạo mẫu chung cho tất cả các slide

B. Sử dụng nhiều loại phông chữ khác nhau để tạo sự phong phú

C. Chèn hiệu ứng động vào tất cả các slide để thu hút người xem

D. Không sử dụng bố cục cố định để tạo sự sáng tạo

## PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI (4,0 điểm)

Học sinh trả lời câu 13, 14, 15, 16. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai và điền thông tin vào bảng dưới đây

| Câu    | 13a | 13b | 13c | 13d | 14a | 14b | 14c | 14d | 15a | 15b | 15c | 15d | 16a | 16b | 16c | 16d |
|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Đáp án |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |

**Câu 13:** Sau buổi học nhóm Trang trao đổi với bạn Trang và đưa ra một số nhận định sau, nhóm bạn đã tranh luận rất lâu, hãy giúp nhóm bạn Trang xem những nhận định đúng sau là đúng hay sai:

- Hàm AVERAGE trong Excel được sử dụng để tính tổng các giá trị trong một dãy số.
- PowerPoint hỗ trợ chèn âm thanh vào trang chiếu.
- Định dạng có điều kiện trong Excel giúp phân loại và làm nổi bật dữ liệu dựa trên các tiêu chí cụ thể.
- Việc áp dụng hiệu ứng hoạt hình trong PowerPoint sẽ làm tăng kích thước tệp trình chiếu.

**Câu 14:**

- Hàm Autofill trong Excel có thể tự động điền các chuỗi ngày tháng và số theo mẫu.
- Định dạng số trong Excel cho phép hiển thị dấu phân cách hàng nghìn và đơn vị tiền tệ.
- Khi nhóm các đối tượng trong PowerPoint, bạn có thể thay đổi kích thước và di chuyển chúng dễ dàng.
- Việc sử dụng các hàm Excel giúp tăng tốc quá trình tính toán và giảm sai sót.

**Câu 15:** Hùng đang ôn tập đề cương môn Tin 7 và gặp khó khăn với một số câu hỏi sau. Em hãy giúp Hùng xem những phát biểu sau đúng hay sai?

- Microsoft PowerPoint là phần mềm trình chiếu văn bản và hình ảnh.
- PowerPoint cho phép thêm các hiệu ứng hoạt hình cho văn bản và hình ảnh.
- Bộ lọc trong Excel giúp ẩn các dữ liệu không thỏa mãn tiêu chí nhưng không loại bỏ hoàn toàn.
- Sử dụng các công cụ định dạng trong PowerPoint giúp thiết kế bài thuyết trình dễ nhìn và chuyên nghiệp hơn.

**Câu 16:** Sau buổi ôn tập trên lớp, Vân có nói chuyện với bạn và đưa ra những phát biểu sau. Theo em Vân đúng hay sai?

- Hàm MIN trong Excel dùng để tìm giá trị lớn nhất trong một dãy số.
- PowerPoint hỗ trợ thay đổi màu sắc và kích thước của văn bản và hình ảnh trong bài trình chiếu.
- Hiểu và sử dụng các hàm trong Excel giúp tự động hóa các phép toán phức tạp và giảm sai sót.
- Việc lạm dụng hiệu ứng chuyển động trong PowerPoint có thể làm cho bài trình chiếu trở nên rối mắt và khó theo dõi.

## **.II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 17 (3 điểm):** Thực hành trên phần mềm trình chiếu

- Tạo một bài trình chiếu với ít nhất 2 trang chiếu:
  - Trang chiếu 1: Chứa tiêu đề " BÀI TRÌNH CHIẾU CUỐI KỲ " với cỡ chữ 50, đậm, in hoa.
  - Trang chiếu 2: Chèn một hình ảnh bất kỳ và thêm mô tả dưới hình ảnh.
- Sử dụng font chữ "Times New Roman" và lưu bài trình chiếu với tên **Họ tên\_Lớp.pptx** vào thư mục "KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II" trên ổ D:.

Lưu tệp vào ổ đĩa D:\ thư mục KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I với tên Họ tên\_Lớp.pptx (Ví dụ: Nguyễn Song Hải\_7A1.pptx)

## BÀI TRÌNH CHIẾU CUỐI KỲ



VD: Trang chiếu 1

VD: Trang chiếu 2

.....Hết.....

(Giáo viên coi kiểm tra không giải thích gì thêm)

**ĐÁP ÁN****I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)****1. Dạng nhiều lựa chọn (3 điểm, mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm)**

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Đáp án | C | B | D | C | B | A | B | A | C | B  | B  | A  |

**2. Dạng đúng/ sai (4 điểm, mỗi đáp án đúng được 0.25 điểm)**

| Câu    | 13a | 13b | 13c | 13d | 14a | 14b | 14c | 14d | 15a | 15b | 15c | 15d | 16a | 16b | 16c | 16d |
|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Đáp án | S   | Đ   | Đ   | S   | Đ   | Đ   | Đ   | Đ   | Đ   | Đ   | S   | Đ   | S   | Đ   | Đ   | Đ   |

**II. Phần tự luận. (3 điểm)**

| Câu | Đáp án                                                                                                         | Biểu điểm |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 17  | a) Học sinh tạo được trang chiếu như mẫu, đúng các yêu cầu                                                     | 1 điểm    |
|     | b) Chữ tiêu đề kiểu chữ đậm, cỡ chữ 50, chữ in hoa                                                             | 0.5 điểm  |
|     | - Nội dung bên dưới cỡ chữ 28, chữ màu đen, sử dụng cấu trúc phân cấp, chèn hình ảnh như mẫu (chèn ảnh tùy ý). | 0.5 điểm  |
|     | c) Tất cả đều sử dụng font chữ “Time New Romans”                                                               | 0.5 điểm  |
|     | - Lưu được tên đúng yêu cầu                                                                                    | 0.5 điểm  |

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

| TT | Chương/<br>chủ đề                | Nội dung/đơn<br>vị kiến thức                       | Mức độ đánh giá |                   |             |                    |                |                        |           |           |             | Tổng |      |             | Tỉ lệ<br>%<br>điểm |
|----|----------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|--------------------|----------------|------------------------|-----------|-----------|-------------|------|------|-------------|--------------------|
|    |                                  |                                                    | TNKQ            |                   |             |                    |                |                        | Tự luận   |           |             |      |      |             |                    |
|    |                                  |                                                    | Nhiều lựa chọn  |                   |             | Đúng - Sai         |                |                        |           |           |             |      |      |             |                    |
|    |                                  |                                                    | Biết            | Hiểu              | Vận<br>dụng | Biết               | Hiểu           | Vận<br>dụng            | Biết      | Hiểu      | Vận<br>dụng | Biết | Hiểu | Vận<br>dụng |                    |
| 1  | Chủ đề 4: Ứng<br>dụng<br>tin học | Bài 6: Làm quen<br>với phần mềm<br>bảng tính       | 1<br>(C1)       |                   |             | 1<br>(15a)         |                |                        |           |           |             | 2    |      |             | 97,5%<br>9.75 điểm |
|    |                                  | Bài 7: Tính toán tự<br>động trên bảng<br>tính      | 2<br>(C2,3)     |                   |             | 2<br>(13a,14<br>a) | 1<br>(16c)     | 1<br>(14d)             |           |           |             | 4    | 2    | 1           |                    |
|    |                                  | Bài 8: Công cụ hỗ<br>trợ tính toán                 | 1<br>(C8)       | 1<br>(C10)        |             | 1<br>(16a)         | 2<br>(13c,15c) |                        |           |           |             | 2    | 3    |             |                    |
|    |                                  | Bài 9: Trình bày<br>bảng tính                      | 1<br>(C4)       |                   |             | 1<br>(14b)         |                |                        |           |           |             | 2    |      |             |                    |
|    |                                  | Bài 10: Hoàn thiện<br>bảng tính                    |                 |                   |             |                    |                |                        |           |           |             |      |      |             |                    |
|    |                                  | Bài 11: Tạo bài<br>trình chiếu                     | 1<br>(C5)       |                   |             | 2<br>(13b,1<br>5b) |                |                        | 1<br>(17) | 3<br>(17) | 1<br>(17)   | 1    |      |             |                    |
|    |                                  | Bài 12: Định dạng<br>đối tượng trên<br>trang chiếu | 2<br>(C6,7)     | 2<br>(C11,1<br>2) |             | 1<br>(16b)         | 1<br>(14c)     | 3<br>(13d,15<br>d,16d) | 1<br>(17) | 3<br>(17) | 1<br>(17)   | 3    | 3    | 3           |                    |

|                         |                                                          |                            |     |           |  |     |   |   |     |   |   |     |     |     |                   |
|-------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------|-----|-----------|--|-----|---|---|-----|---|---|-----|-----|-----|-------------------|
| 2                       | Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 16: Thuật toán sắp xếp |     | 1<br>(C9) |  |     |   |   |     |   |   |     |     |     | 2,5%<br>0.25 điểm |
| <b>Tổng số lệnh hỏi</b> |                                                          |                            | 8   | 4         |  | 8   | 4 | 4 |     | 4 | 8 | 16  | 12  | 12  |                   |
| <b>Tổng số điểm</b>     |                                                          |                            | 3.0 |           |  | 4.0 |   |   | 3.0 |   |   | 4.0 | 3.0 | 3.0 |                   |
| <b>Tỉ lệ %</b>          |                                                          |                            | 30% |           |  | 40% |   |   | 30% |   |   | 40% | 30% | 30% |                   |

### BẢN ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI KÌ II, TIN HỌC 7

| TT | Chủ đề/<br>Chương                | Nội<br>dung/Đơn<br>vị kiến thức                 | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                                                                                                                         | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá |      |          |              |      |          |         |      |          |
|----|----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|
|    |                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                         | TNKQ                             |      |          |              |      |          | Tự luận |      |          |
|    |                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                         | Nhiều lựa chọn                   |      |          | “Đúng - Sai” |      |          |         |      |          |
|    |                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                         | Biết                             | Hiểu | Vận dụng | Biết         | Hiểu | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng |
| 1  | Chủ đề 4:<br>Ứng dụng<br>tin học | Bài 6: Làm<br>quen với<br>phần mềm<br>bảng tính | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhận biết:</b></li> <li>-Nhận biết được giao diện và các thành phần cơ bản của phần mềm bảng tính (Excel).</li> <li>-Nhận biết được các thao tác cơ bản như mở, lưu, đóng tệp tin.</li> </ul> | 1<br>(C1)                        |      |          | 1<br>(15a)   |      |          |         |      |          |

|  |  |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |  |  |                |            |            |  |  |  |
|--|--|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|--|----------------|------------|------------|--|--|--|
|  |  |                                         | -Nhận biết được các kiểu dữ liệu khác nhau (số, văn bản, ngày tháng).<br>(câu 1, 15a)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |  |  |                |            |            |  |  |  |
|  |  | Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nhận biết:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhận biết được các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MAX, MIN).</li> <li>-Nhận biết được cách sử dụng công thức trong Excel.</li> <li>-Nhận biết được thao tác Autofill.</li> </ul> </li> <li>(Câu 2,3,13a,14a)</li> <li>• <b>Thông hiểu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Hiểu được cách thức hoạt động của các hàm và công thức.</li> <li>-Hiểu được lợi ích của việc sử dụng hàm và công thức trong tính toán.</li> </ul> </li> <li>(Câu 16c)</li> <li>• <b>Vận dụng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Có thể sử dụng hàm và công thức để thực hiện các phép tính đơn giản.</li> <li>-Vận dụng được Autofill để điền các</li> </ul> </li> </ul> | 2<br>(C2,3) |  |  | 2<br>(13a,14a) | 1<br>(16c) | 1<br>(14d) |  |  |  |

|  |  |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |            |  |            |                |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|--|------------|----------------|--|--|--|--|
|  |  |                                 | dãy dữ liệu.<br>(Câu 14d)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |            |  |            |                |  |  |  |  |
|  |  | Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhận biết:</b><br/>-Nhận biết được các công cụ hỗ trợ tính toán (lọc dữ liệu, sắp xếp dữ liệu, định dạng có điều kiện). (Câu 8,16a)</li> <li><b>Thông hiểu:</b><br/>-Hiểu được mục đích và cách sử dụng các công cụ này.<br/>-Hiểu được khi nào thì cần dùng những công cụ này. (Câu 10,13c,15c)</li> </ul> | 1<br>(C8) | 1<br>(C10) |  | 1<br>(16a) | 2<br>(13c,15c) |  |  |  |  |
|  |  | Bài 9: Trình bày bảng tính      | <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Nhận biết:</b><br/>-Nhận biết được các tùy chọn định dạng bảng tính (kiểu chữ, màu sắc, đường viền).<br/>-Nhận biết được định dạng tiền tệ. (Câu 4,14b)</li> </ul>                                                                                                                                          | 1<br>(C4) |            |  | 1<br>(14b) |                |  |  |  |  |
|  |  | Bài 10: Hoàn thiện bảng tính    | <b>Vận dụng:</b><br>-Tổng hợp các kỹ năng của các bài 6,7,8,9 để hoàn thiện một bảng tính hoàn chỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                 |           |            |  |            |                |  |  |  |  |

|  |  |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |               |  |                |            |                    |           |           |           |
|--|--|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|--|----------------|------------|--------------------|-----------|-----------|-----------|
|  |  |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |               |  |                |            |                    |           |           |           |
|  |  | Bài 11: Tạo bài trình chiếu                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nhận biết:</b></li> <li>-Nhận biết được giao diện và các thành phần cơ bản của PowerPoint.</li> <li>-Nhận biết được các thao tác cơ bản như tạo, lưu, đóng tệp tin trình chiếu.</li> <li>-Nhận biết được trang chiếu là gì. (C5,13b,15b)</li> </ul>                                                                                                                                             | 1<br>(C5)   |               |  | 2<br>(13b,15b) |            |                    | 1<br>(17) | 3<br>(17) | 1<br>(17) |
|  |  | Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nhận biết:</b></li> <li>-Nhận biết được các tùy chọn định dạng đối tượng (kiểu chữ, màu sắc, hiệu ứng).</li> <li>-Nhận biết thao tác chèn ảnh. (C6,7,16b)</li> <li>• <b>Thông hiểu:</b></li> <li>-Hiểu được cách sử dụng các tùy chọn định dạng để làm cho bài trình chiếu sinh động và hấp dẫn.</li> <li>-Hiểu được lợi ích của việc nhóm đối tượng, sử dụng hiệu ứng. (C11,12,14c)</li> </ul> | 2<br>(C6,7) | 2<br>(C11,12) |  | 1<br>(16b)     | 1<br>(14c) | 3<br>(13d,15d,16d) | 1<br>(17) | 3<br>(17) | 1<br>(17) |

|                         |                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |           |  |            |   |   |            |   |   |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--|------------|---|---|------------|---|---|
|                         |                                                             |                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Vận dụng:</b><br/>-Có thể định dạng các đối tượng trên trang chiếu theo yêu cầu.<br/>-Vận dụng các kỹ năng định dạng để tạo ra một bài trình chiếu hoàn chỉnh, chuyên nghiệp.<br/>(C13d,15d,16d)</li> </ul>                                                                  |            |           |  |            |   |   |            |   |   |
| 2                       | Chủ đề 5:<br>Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính | Bài 16:<br>Thuật toán sắp xếp | <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Thông hiểu:</b><br/>-Hiểu được nguyên lý hoạt động của từng thuật toán sắp xếp.<br/>-Hiểu được sự khác biệt về hiệu quả giữa các thuật toán sắp xếp (độ phức tạp thời gian).<br/>-Hiểu được các tình huống ứng dụng phù hợp cho từng thuật toán sắp xếp.<br/>(C9)</li> </ul> |            | 1<br>(C9) |  |            |   |   |            |   |   |
| <b>Tổng số lệnh hỏi</b> |                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8          | 4         |  | 8          | 4 | 4 |            | 4 | 8 |
| <b>Tổng số điểm</b>     |                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3.0        |           |  | 4.0        |   |   | 3.0        |   |   |
| <b>Tỉ lệ %</b>          |                                                             |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>30%</b> |           |  | <b>40%</b> |   |   | <b>30%</b> |   |   |

